

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06/4/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Bà Nguyễn Thị Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2018/TLST–HNGĐ ngày 22/01/2018 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1980.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn M, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: Tổ 21, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà H và ông M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông M kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới 01 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống ngay từ thời gian đầu đã không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông M hay chửi bới, đánh đập bà. Ngoài ra, nguyên nhân là do bà có 01 con riêng nên hai vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không

còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông M được nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Phan Văn M.

- *Về con chung*: Bà và ông M có 02 con chung tên là Phan Hà Thảo T, sinh ngày 08/12/2005 và Phan Hà Thảo N, sinh ngày 21/02/2009. Hiện nay các con đang sống cùng với ông M và các con cũng có nguyện vọng được sống cùng với bố. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cả 02 con cho ông M được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến ngày các con tHnh niên. Bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông M tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà và ông M không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Phan Văn M:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà H kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phù Mỹ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới 01 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống có hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn, đến tháng 01/2018 thì bà H bỏ nH đi vì bà H có những suy nghĩ lệch lạc về gia đình. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý, ông có mong muốn đoàn tụ gia đình.

- *Về con chung*: Ông và bà H có 02 con chung như bà H trình bày là đúng. Hiện nay các con đang sống với ông. Trong trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến ngày các con tHnh niên. Ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Ông và bà H tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông và bà H không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị H cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 02 bản giấy khai sinh con chung (bản sao), 01 bản sổ hộ khẩu gia đình, 01 bản Giấy chứng M nhân dân – bà H (bản photo đã đối chiếu với bản chính), 01 bản Bản tự khai của bà H; bị đơn ông Phan Văn M cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản Giấy chứng M nhân dân – ông M (bản photo đã đối chiếu với bản chính), 01 Đơn yêu cầu của ông M; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: 01 Biên bản xác M (bản chính), 02 bản Bản tự khai của các con chung (bản chính).

Tòa án đã tiến Hnh phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 13/3/2018 nhưng không tHnh. Tại phiên hòa giải

ngày 23/3/2018 bà H có mặt còn ông M vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, xử cho bà H và ông M được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao các con Thảo, Ný cho ông M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên không xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Trần Thị H với bị đơn ông Phan Văn M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H với ông M kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Phù Mỹ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống, theo bà H thì ngay từ thời gian đầu đã không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, còn theo ông M thì quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông M hay chửi bới và đánh đập bà, ngoài ra còn có nguyên nhân là do bà có 01 con riêng, ông M không thương con riêng của bà nên hai vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông M. Còn ông M cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm sóc con chung. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà H với ông M có sự mâu thuẫn, theo xác M của Tòa án thì trong thời gian chung sống bà H với ông M có xảy ra cãi vã, chính quyền địa phương có mời bà H, ông M đến làm việc, hòa giải

(Bút lục 26). Tại phiên tòa, bà H và ông M cũng cho rằng khi sống chung thì thường xuyên cãi nhau, ông M cũng thừa nhận đã có Hnh vi đánh đập bà H nên mâu thuẫn giữa bà H với ông M ngày càng trầm trọng, kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến Hnh hòa giải để Hn gắn quan hệ hôn nhân của bà H với ông M, tuy nhiên bà H vẫn cương quyết ly hôn, còn ông M có mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng ông không có thiện chí hoà giải, cũng như biện pháp để giải quyết mâu thuẫn do đó quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông M là không thể Hn gắn, bà H với ông M đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2018, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn với ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Bà H với ông M có 02 con chung tên là Phan H Thảo Thảo, sinh ngày 08/12/2005 và Phan Hà Thảo N, sinh ngày 21/02/2009. Hiện nay các cháu đang sống với ông M. Ông M yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến ngày các cháu thành niên, bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu Thảo T và Thảo N cũng có nguyện vọng được ở với ông M. Do đó, công nhận sự thỏa thuận của bà H với ông M, giao các cháu Thảo T và Thảo N cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung*: Bà H và ông M tự thỏa thuận, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung*: Bà H và ông M không có nợ chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí*: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H, xử cho bà Trần Thị H với ông Phan Văn M được ly hôn.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của bà H và ông M: Giao các cháu Phan Hà Thảo T, sinh ngày 08/12/2005 và Phan Hà Thảo N, sinh ngày 21/02/2009 cho ông M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng:* Bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về án phí:* Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0007231 ngày 22/01/2018 được chuyển thu.

Bà H, ông M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Phù Mỹ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phượng Diễm

